

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **40** / LĐTĐBXH-VP
V/v góp ý Quy chế tiếp nhận, giải quyết
và trả lời chất vấn của ĐBQH; KNCT;
đơn, thư của cử tri do ĐBQH, các cơ
quan của Quốc hội chuyển đến

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- Các Cục: Người có công, Việc làm, Quản lý lao động ngoài nước, Bảo trợ xã hội, Trẻ em, Phòng, chống tệ nạn xã hội, An toàn lao động, Quan hệ lao động và Tiền lương;
- Các Vụ: Bảo hiểm xã hội, Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Tổ chức cán bộ, Bình đẳng giới;
- Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo.

Nhằm triển khai các quy định của Quốc hội, Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13 ngày 20/11/2015, Bộ dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội; kiến nghị của cử tri; đơn, thư của cử tri do Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu, tham gia góp ý đối với dự thảo Quyết định nêu trên và gửi về Bộ (qua Văn Phòng Bộ, email: phongtkth@molisa.gov.vn) trước ngày 11/01/2018 để tổng hợp, trình Bộ trưởng duyệt, ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Chánh Văn phòng (để b/c);
- Tổ công tác của Bộ trưởng;
- Lưu: VT, TH.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



[Handwritten signature]
Nguyễn Xuân Hân

Số: /QĐ-LĐT BXH

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội; kiến nghị của cử tri; đơn, thư của cử tri do Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTWWMTTQVN ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp xúc cử tri của Đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-LĐT BXH ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế làm việc của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Tiếp nhận, giải quyết và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội; kiến nghị của cử tri; đơn, thư của cử tri do Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Tổ công tác của Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện, UBTVQH;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Vụ QHĐP - VPCP;
- Lưu: VT, TH (3b).

Đào Ngọc Dung

QUY CHẾ

**Tiếp nhận, giải quyết và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội;
kiến nghị của cử tri; đơn, thư của cử tri do Đại biểu Quốc hội, các cơ quan
của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-LĐTBXH ngày / /2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là các đơn vị) trong việc phối hợp, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội; kiến nghị của cử tri; đơn, thư do Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bộ).

2. Chất vấn của Đại biểu Quốc hội chuyển đến Bộ trưởng bao gồm: Phiếu chất vấn gửi trực tiếp tới Bộ trưởng, công văn chuyển phiếu chất vấn của Tổng Thư ký Quốc hội gửi tới Bộ trưởng.

3. Kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến (sau đây gọi tắt là kiến nghị cử tri) bao gồm: Kiến nghị cử tri do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (thông qua Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sau đây gọi tắt là Ban Dân nguyện), kiến nghị của cử tri do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Đơn, thư của cử tri là những kiến nghị, phản ánh của cử tri và nhân dân được Đại biểu Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quy chế này không áp dụng đối với việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư của người dân gửi trực tiếp tới Bộ.

5. Khiếu nại, tố cáo của công dân không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh của quy chế này. Việc xem xét, giải quyết thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Tất cả các văn bản chất vấn, kiến nghị, chuyển đơn, thư của Đại biểu Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ (sau đây gọi tắt là các văn bản do Quốc hội chuyển đến) và được Bộ giao cho

các đơn vị phải được tổng hợp, thống kê, phân loại và xử lý lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong quá trình giải quyết.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời các văn bản do Quốc hội chuyển đến là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình công tác của đơn vị; là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng đơn vị.

Chương II

TRẢ LỜI CHẤT VẤN CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 3. Tiếp nhận và xử lý chất vấn

1. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng về việc giao đơn vị nghiên cứu các nội dung liên quan đến vấn đề Đại biểu Quốc hội chất vấn, trong vòng 01 ngày, Văn phòng Bộ chuyển tới đơn vị để chuẩn bị nội dung báo cáo Bộ trưởng.

2. Chậm nhất là 15 ngày, Thủ trưởng đơn vị hoàn thành dự thảo văn bản trả lời chất vấn của Bộ trưởng, trình xin ý kiến Thủ trưởng phụ trách trước khi báo cáo Bộ trưởng.

Điều 4. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chất vấn

1. Thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các vấn đề Đại biểu Quốc hội chất vấn qua các kỳ họp của Quốc hội để tham mưu với Bộ trưởng trong việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng trong vấn đề Đại biểu Quốc hội nêu.

2. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chuẩn bị dự kiến những vấn đề Đại biểu Quốc hội, cử tri và nhân dân quan tâm tới lĩnh vực phụ trách và nội dung giải trình chi tiết; chuẩn bị nội dung báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, các vấn đề Bộ trưởng đã hứa tại các kỳ họp trước (nếu có) gửi về Văn phòng Bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

Chương III

TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 5. Phân loại kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Kiến nghị đã được giải quyết xong: Là những kiến nghị đã được Bộ, đơn vị giải quyết dứt điểm trên thực tế hoặc đã ban hành văn bản giải quyết, trả lời theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

2. Kiến nghị đang giải quyết: Là những kiến nghị mà Bộ, đơn vị đang trong quá trình xem xét, giải quyết một vụ việc cụ thể theo quy định của pháp

luật hiện hành hoặc đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, theo đó xác định rõ thời hạn giải quyết.

3. Kiến nghị sẽ giải quyết: Là những kiến nghị dự kiến sẽ được giải quyết trên cơ sở đã có kế hoạch ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ chính sách, pháp luật hoặc đã có kế hoạch bố trí nguồn lực thực hiện, trong đó xác định rõ lộ trình giải quyết.

4. Kiến nghị giải trình, thông tin lại với cử tri: Là những kiến nghị đã được Bộ giải quyết, trả lời từ các kỳ họp Quốc hội trước hoặc có nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật đã được quy định trong các văn bản pháp luật và quy định của các cơ quan có thẩm quyền; các kiến nghị chưa thể giải quyết được do chưa có quy định của pháp luật hoặc của cơ quan có thẩm quyền hoặc do chưa có nguồn lực để thực hiện, chưa xác định được thời gian cụ thể.

Điều 6. Tiếp nhận và phân loại kiến nghị cử tri

1. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản chuyển kiến nghị cử tri của các cơ quan liên quan, Văn phòng Bộ có trách nhiệm rà soát, phân loại để chuyển tới các đơn vị xử lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đối với các kiến nghị cử tri có nội dung chưa rõ ràng hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kiến nghị, Văn phòng Bộ báo cáo Lãnh đạo Bộ có văn bản chuyển lại Ban Dân nguyện để điều chỉnh, giải quyết theo quy định.

3. Đối với các kiến nghị đã được Bộ giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật tại các kỳ họp Quốc hội trước nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị thì các đơn vị rà soát, tổng hợp, gửi về Văn phòng Bộ chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị kèm theo văn bản đã thông báo giải quyết, trả lời trước đó để tổng hợp, gửi lại các cơ quan liên quan.

4. Đối với kiến nghị có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan, đơn vị khác thì đơn vị được giao chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kiến nghị, các đơn vị phải có văn bản đề nghị phối hợp trả lời gửi tới các cơ quan, đơn vị liên quan.

5. Đối với các kiến nghị mà việc giải quyết liên quan tới nhiều bộ, ngành, địa phương, vượt quá khả năng, điều kiện hoặc có khó khăn, vướng mắc thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, các đơn vị chủ động báo cáo Lãnh đạo Bộ (qua Văn phòng Bộ) phối hợp với các bộ, ngành liên quan có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Điều 7. Giải quyết và trả lời kiến nghị cử tri

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị cử tri, các đơn vị có trách nhiệm dự thảo văn bản giải quyết và trả lời kiến nghị cử tri, trình Bộ trưởng duyệt, ký gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội nơi có cử tri kiến nghị, đồng thời gửi tới Ban Dân nguyện, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chính phủ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có cử tri kiến nghị.

2. Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ mà giao cho Bộ chủ trì nghiên cứu, trả lời thì trong thời hạn 40 ngày, các đơn vị trình Bộ trưởng dự thảo văn bản giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri và gửi tới các cơ quan nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các kiến nghị có nội dung trùng lặp (cử tri ở các địa phương khác nhau có nội dung kiến nghị tương tự nhau) thì đơn vị dự thảo văn bản trình Bộ trưởng trả lời bằng một văn bản đồng thời gửi đến tất cả các Đoàn Đại biểu Quốc hội có kiến nghị trùng lặp và các cơ quan nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với các kiến nghị có nội dung phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều vấn đề phải giải quyết cần có thêm thời gian để nghiên cứu, kiểm tra, xác minh, xử lý thì các đơn vị báo cáo Bộ trưởng có văn bản gửi Ban Dân nguyện, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan đề nghị gia hạn thời gian giải quyết và trả lời, thời gian đề nghị gia hạn không quá 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận kiến nghị.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản trả lời cử tri, các đơn vị phối hợp với Văn phòng Bộ, Trung tâm Thông tin đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ trưởng hợp kiến nghị có nội dung, thông tin quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

Điều 8. Nội dung trả lời kiến nghị cử tri

1. Đối với kiến nghị liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các chính sách, pháp luật cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, tuân thủ các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản hoặc kiến nghị khi thực hiện giải quyết cần phải có nguồn lực, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, chưa xác định được thời gian giải quyết thì trong dự thảo văn bản trả lời phải nêu rõ lý do, dự kiến lộ trình, phương hướng giải quyết, trả lời để cử tri biết.

2. Trường hợp nội dung giải quyết, trả lời kiến nghị của Bộ không chính xác, chưa đầy đủ hoặc số liệu chưa nhất quán được Ban Dân nguyện, Văn phòng Chính phủ, Đoàn Đại biểu Quốc hội hoặc các cơ quan liên quan khác thông tin lại thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, các đơn vị phải rà soát, điều chỉnh lại và dự thảo văn bản đính chính, bổ sung trình Bộ trưởng ký gửi các cơ quan nêu trên.

3. Kiến nghị của cử tri có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, thông tin không được tiếp cận quy định tại Luật tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành thì các đơn vị báo cáo Bộ trưởng từ chối trả lời hoặc trả lời phải thực hiện quy trình giải quyết và ban hành văn bản theo chế độ mật.

Điều 9. Báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị cử tri

1. Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, tổng hợp

báo cáo trình Bộ gửi Thủ tướng Chính phủ, Ban Dân nguyện và các cơ quan liên quan chậm nhất 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, bao gồm:

a) Số lượng kiến nghị do Ban Dân nguyện chuyển đến trực tiếp, trong đó phân loại theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, nêu rõ số lượng kết quả giải quyết, trả lời.

b) Số lượng kiến nghị do Văn phòng Chính phủ chuyển đến, trong đó phân loại theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, nêu rõ số lượng kết quả giải quyết, trả lời.

2. Các đơn vị rà soát, đánh giá gửi Văn phòng Bộ tổng hợp về kết quả giải quyết phân loại theo Điều 5 Quy chế này, cụ thể:

a) Kiến nghị đã giải quyết xong, yêu cầu phải có danh mục những chính sách, văn bản đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và danh mục các vụ việc đã được thanh tra, kiểm tra và xử lý.

b) Kiến nghị đang giải quyết, trong đó nêu rõ thời hạn và kết quả sẽ đạt được cụ thể.

c) Kiến nghị sẽ giải quyết, trong đó dự kiến rõ lộ trình, phương hướng giải quyết.

d) Kiến nghị giải trình, thông tin lại với cử tri, trong đó nêu rõ lý do về việc không giải quyết hoặc chưa giải quyết.

Chương IV

TRẢ LỜI ĐƠN, THƯ CỦA CỬ TRI DO ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI CHUYỂN ĐẾN

Điều 10. Phân loại đơn, thư của cử tri

1. Đơn, thư có nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

2. Đơn, thư có nội dung đề nghị giải đáp, làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

3. Đơn, thư có nội dung đề nghị chỉ đạo, giải quyết một sự việc cụ thể liên quan đến việc người dân trong quá trình thi hành chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Điều 11. Tiếp nhận và xử lý đơn, thư của cử tri

1. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng về việc giao đơn vị nghiên cứu, trả lời các nội dung liên quan đến đơn, thư của cử tri do Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến, trong vòng 01 ngày làm việc Văn phòng Bộ có trách nhiệm chuyển tới đơn vị để xử lý.

2. Chậm nhất là 10 ngày đối với các đơn, thư tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này và chậm nhất 20 ngày đối với các đơn, thư tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm ban hành văn bản trả lời cử tri, đồng thời gửi báo cáo Bộ trưởng, Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội hoặc các cơ quan của Quốc hội (cơ quan, cá nhân chuyển đơn, thư) để thông báo kết quả trả lời.

Điều 12. Tổng hợp, báo cáo tình hình trả lời đơn, thư

1. Thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình trả lời các đơn, thư của cử tri được Đại biểu Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội chuyển đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổng hợp tình hình trả lời các đơn, thư của cử tri do các cơ quan của Quốc hội chuyển đến được Bộ giao đơn vị xử lý, gửi về Văn phòng Bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị

1. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ trả lời các văn bản của Quốc hội chuyển đến Bộ. Nếu vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức và quy chế làm việc của Bộ.

2. Bố trí 01 cán bộ làm đầu mối để theo dõi, tổng hợp việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời văn bản của Quốc hội chuyển đến Bộ và được Bộ giao cho các đơn vị xử lý.

Điều 14. Xây dựng Hệ thống quản lý việc giải quyết các văn bản do Quốc hội chuyển đến

1. Văn phòng Bộ phối hợp với các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ, Trung tâm Thông tin trong việc triển khai, vận hành Hệ thống quản lý việc giải quyết các văn bản do Quốc hội chuyển đến theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng.

2. Trung tâm Thông tin có trách nhiệm bố trí trang thiết bị, đường truyền, bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện nội dung nêu tại khoản 1 Điều này và việc phối hợp đăng tải thông tin trên Cổng Thông tin điện tử Bộ theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy chế này.

Điều 15. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, Ban Dân nguyện, Văn phòng Bộ phối hợp với các đơn vị tổng hợp, báo tình

hình, kết quả tiếp nhận, xử lý và trả lời các văn bản của Quốc hội chuyển đến Bộ.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Văn phòng Bộ, Tổ công tác của Bộ trưởng có trách nhiệm giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc các đơn vị giải quyết, trả lời các văn bản của Quốc hội chuyển đến theo đúng thời hạn và thẩm quyền quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần xử lý khác với các quy định hiện hành, Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung